TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **41**/2020/QĐST-HNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 20 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc "*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1989

Ông Trần Anh H, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Tổ 9, khu phố B, phường MX, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đỗ Thị Kim N và ông Trần Anh H chung sống với nhau từ năm 2007. Ông, bà đã đăng ký kết hôn tại UBND xã MX, huyện T (nay là thị xã PM) vào ngày 07-12-2009.

Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn tin yêu lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho ông H và bà N được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Trần Anh H có một con chung là cháu Trần Kim A, sinh ngày 24/4/2009. Theo nguyện vọng của cháu A,

ông H, bà N thỏa thuận giao cháu A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Trần Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Trần Anh H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Anh H và bà Đỗ Thị Kim N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Anh H và bà Đỗ Thị Kim N xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Trần Kim A, sinh ngày 24/4/2009. Theo nguyện vọng của con, ông H và bà N thỏa thuận giao cháu A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Anh H được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Trần Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Trần Anh H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004327 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã PM;
- Chi cục THADS thị xã PM;
- UBND phường MX, thị xã PM;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhung